

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/ HS-ST.
Ngày 31 tháng 8 năm 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Lê Văn Hoàng.

2/ Ông: Phạm Văn Liệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Hùng Dương - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Tấn Đ (tên gọi khác: không) sinh năm 1992, tại: thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: khóm 1, phường 2, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ; Tạm trú: ấp 1, xã 2, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn X, sinh năm: 1970 và bà Lê Kim C, sinh năm: 1970; Bị cáo là con một; vợ: Phạm Thị AA, sinh năm 1982, con: có 02 người lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ: 13/5/2022; tạm giam: 16/5/2022, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Lê P L, sinh năm 1956; Trú tại; ấp 1, xã 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện cho Bị hại:

- Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1959, Địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh Tấn L, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn 2, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Đào Văn K, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn 2, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Hoài H, sinh năm: 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Lê Văn T, sinh năm: 1977, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn Đ và Đinh Tấn L là bạn bè vào ngày 21/6/2021 Đ điều khiển xe Mô tô Wave màu xanh không rõ biển kiểm soát chở L đến khu vực xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp mục đích đi tìm nhà kho cũ mua để bán lại kiếm lời, khi đến khu vực nhà máy của ông Lê P L tại ấp 4, xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình không người trông giữ, vì nhà ông L ở ấp Hòa Mỹ, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, thấy vậy Đ rủ L tháo tol và lấy khung sắt nhà kho bán lấy tiền chia nhau xài, L đồng ý và cả 02 tiến hành các lần lấy trộm tài sản của Lê P L gồm 1.000kg tol và 910 kg sắt bán được 23.685.000 đồng, Đ sử dụng cá nhân là 14.635.000đ chia cho L 1.650.000đ số còn lại trả tiền thuê xe và thuê nhân công, cụ thể như sau:

- Ngày 22/6/2021 cũng bằng P tiện Mô tô hiệu Wave không biển kiểm soát Đ chở L đến nhà máy ông L và thuê thêm 01 người thanh niên lạ mặt rồi cùng nhau tháo gỡ sắt ở bồn chứa bên trong khu nhà máy, sau đó Đ điện thoại cho người tên P cũng không biết ở đâu, chạy xe ô tô tải không rõ biển kiểm soát, đến chở khoảng 300 kg sắt đem đến cửa hàng của Đào Văn K ngụ tại Khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, lúc đó ông K không có ở nhà, nên L trực tiếp bán cho người thanh niên lạ không biết tên với giá mỗi kg sắt là 8.000đ. Tổng số tiền bán được là 2.400.000đ, khi có tiền L chia cho Đ 650.000đ, trả tiền thuê xe cho P là 800.000đ, trả tiền thuê người thanh niên cùng thực hiện là 300.000đ.

- Ngày 23/6/2021 cũng như lần đầu Đ thuê 01 người thanh niên lạ mặt tháo gỡ tol, sau đó Đ bán được số tiền là 1.800.000đ, khi có tiền Đ trả tiền thuê là 300.000đ, còn lại 1.500.000đ Đ tiêu sài cá nhân. Lần này L không tham gia.

- Ngày 24/6/2021 cũng như lần hai Đ thuê 03 người thanh niên lạ mặt tháo gỡ tol, sau đó Đ bán được số tiền là 3.000.000đ, khi có tiền Đ trả tiền thuê là 900.000đ, còn lại 2.100.000đ Đ tiêu sài cá nhân. Lần này L không tham gia.

- Ngày 25/6/2021 cũng như lần đầu Đ chở L đến nhà máy ông L và thuê thêm 03 người thanh niên lạ mặt cùng nhau tháo gỡ tol, sắt ở vách kho nhà máy, sau đó Đ điện thoại cho P đến chở về cửa hàng của Đào Văn K bán được số tiền là 3.200.000đ, khi có tiền Đ trả tiền thuê xe cho P là 800.000đ, trả tiền thuê cho 03 người thanh niên là 900.000đ, còn lại 1.500.000đ Đ giữ chưa chia cho L.

- Ngày 27/6/2021 Đ và L thuê thêm 03 người thanh niên lạ mặt cùng nhau đến nhà máy ông L tháo gỡ phần mái tol của nhà kho, sau đó Đ điện thoại cho P đến chở về cửa hàng của Đào Văn K bán được số tiền là 3.500.000đ, khi có tiền Đ trả tiền thuê xe cho P là 800.000đ, trả tiền thuê cho 03 người thanh niên là 900.000đ, còn lại 1.800.000đ Đ giữ chưa chia cho L.

- Ngày 29/6/2021 Đ và L thuê thêm 02 người thanh niên lạ mặt cùng nhau đến nhà máy ông L tháo gỡ phần mái tol còn lại của nhà kho, sau đó Đ điện thoại cho P, nhưng không liên lạc được. Đ đã lên mạng xã hội Facebook tìm được tài xế chở thuê nhưng không biết tên tuổi và đến chở số tol về cửa hàng ông K, bán mẩu không cân ký với giá 4.600.000đ, khi có tiền L trả tiền thuê xe là 500.000đ, đưa cho Đ trả tiền thuê cho 02 người thanh niên là 600.000đ, còn lại 3.500.000đ. L lấy 1.000.000đ đưa cho Đ 2.500.000đ.

- Ngày 01/7/2021 Đ và L thuê 03 người thanh niên lạ, tiếp tục đến nhà máy ông L tháo gỡ khung sắt nhà kho. Sau đó Đ điện thoại kêu xe tải chở về cửa hàng Nguyễn Thị T trú tại Ấp 1, xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp bán được 5.185.000đ. Đ trả tiền thuê 600.000đ và cất giữ toàn bộ số tiền còn lại chưa chia cho L. Khi mua sắt chị T không biết số sắt Đ bán là trộm cắp có được, nên sau đó bán cho một người lạ được 5.490.000đ thu lợi 305.000đ.

Riêng đối với Nguyễn Tấn Đ sau lần bán sắt cho chị T thì đã một mình lừa chị T giao kết hợp đồng mua bán khung sắt nhà kho của ông L với giá là 9.000.000đ chi phí tháo dỡ là do bà T chịu trách nhiệm. Ngày 06/7/2021 chị T thuê Nguyễn Hoài H đến tháo dỡ khung sắt nhà kho ông L thì bị Nguyễn Minh P là người làm công của ông L phát hiện báo với cơ quan công an huyện Thanh Bình và nội dung vụ án đã được làm rõ như đã nêu trên.

Theo kết quả định giá tài sản số: 96/KL-HĐ ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Thanh Bình, xác định: 1.000kg tol đã qua sử dụng có giá trị 4.000.000 đồng; 610kg sắt đã qua sử dụng có giá trị là 3.660.000 đồng; 300kg Kim loại đã qua sử dụng, có giá trị là 1.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 9.460.000 đồng.

Theo kết quả định giá tài sản số: 56/KL-HĐ ngày 16/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Thanh Bình, xác định: 800kg tol đã qua sử dụng có giá trị 3.200.000 đồng.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 Đinh Tấn L bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 01 năm 06 tháng tù tại Bản án số: 14/2022/HS-ST.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS-TB ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 BLHS. Tại phiên tòa Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng Truy tố vì có đủ cơ sở xác định bị cáo Đ thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Lê P L gồm 1.800kg tol và 910 kg sắt có giá trị là 12.660.000đ và gian dối chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T 9.000.000đ.

Hành động của bị cáo Đ đã bị P hiện, khi thực hiện hành vi bị cáo Đ nhận thức được là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Cho nên, đã đủ cơ sở kết tội bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân điều kiện dẫn đến phạm tội và nhân thân của bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “trộm cắp tài sản” và 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ chấp hành hình phạt của 02 tội là 02 năm 03 tháng đến 03 năm tù; Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã giải quyết xong nên không xem xét.

Trong phần tranh luận bị cáo Nguyễn Tấn Đ thừa nhận Viện kiểm sát truy tố là hoàn toàn đúng nên không tranh luận.

Nói lời sau cùng bị cáo Nguyễn Tấn Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về đoàn tụ gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Tấn Đ thừa nhận đã lợi dụng sơ hở của ông Lê P L trong việc quản lý tài sản, nên bị cáo đã rủ Đinh Tấn L lén lút tháo tol và sắt tại nhà máy của bị hại L tại ấp 4, xã Bình Tân, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp gồm 1.800kg tol và 910 kg sắt có giá trị là 12.660.000đ, sau đó một mình bị cáo Đ nói dối với bà Nguyễn Thị T để bán số sắt còn lại của nhà máy thuộc sở hữu của ông L với số tiền là 9.000.000đ. Lời nhận tội của bị cáo Đ phù hợp với lời khai các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời trình bày của người làm chứng, đúng với tờ hợp đồng bán sắt mà bị cáo đã giao kết với bà T. Khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức đầy đủ việc lén lút, gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm sở hữu tài sản của người khác trái phép, nhưng bị cáo Đ vẫn cố ý thực hiện. Cho nên, hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn Đ đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự có quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa P, kỹ cương pháp luật bị xâm hại, bị cáo không tôn trọng tài sản của người khác, xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ, thực hiện hành vi phạm tội giữa ban ngày thể hiện sự xem thường luật pháp, bị cáo là kẻ chủ mưu rủ Đinh Tấn L cùng trộm cắp và một mình thực hiện việc lừa đảo bà T, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa P, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau này. Đồng thời, bị cáo thực hiện tội phạm nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, quá trình xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc

phục bồi thường cho các bị hại và người có liên quan đầy đủ, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thỏa đáng.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua lời khai của bị cáo có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày tại phiên tòa thể hiện bị cáo Nguyễn Tấn Đ không có nghề nghiệp, không có thu nhập, đời sống bấp bênh, kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đồng thời phù hợp với phân tích, nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong các bị hại và người liên quan không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Cơ quan điều tra đã xử lý xong đảm bảo đúng pháp luật không cần giải quyết lại.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1- Xử phạt Nguyễn Tấn Đ – 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải chấp hành hình phạt là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 13/5/2022.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án 31/8/2022. Đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CSĐT CA huyện Thanh Bình;
- THA HS CA huyện Thanh Bình;
- CC THA huyện Thanh Bình;; Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án. (Phong)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Phước Tự